

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-7-2021

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn.*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phiếu

2. Ông Hà Quang Văn.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Trần Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Đào Sỹ Kiều.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2021/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Kim Dsinh năm 1994

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn 3, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Hiện chị D đang sinh sống ở: Bản C, xã K, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 3 năm 2021 và bản tự khai, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Nguyễn Văn Q kết hôn với nhau và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình vào ngày 12/11/2015 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng anh chị sinh sống cùng gia đình anh Q tại Thôn 3, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Tuy nhiên hai vợ chồng chỉ hạnh phúc được vài năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau về mọi mặt. Bản thân anh Q chơi bởi không quan tâm đến vợ con, và nguyên nhân chính là do hai vợ chồng không tin tưởng nhau về mặt tình cảm. Hiện anh chị đã ly thân, không ai quan tâm đến ai về mọi mặt. Nay chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh Q trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng nên chị xin ly hôn với anh Q để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định giữa chị và anh Q có 02 con chung là các cháu Nguyễn Thế Phsinh ngày 15/6/2016 và cháu Nguyễn Thảo Ngsinh ngày 28/12/2017, hiện cả hai cháu đang ở với chị Dung. Nếu ly hôn nguyện vọng của chị xin được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Đối với Anh Nguyễn Văn Q mặc dù đã biết việc Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý giải quyết vụ án chị D xin ly hôn với anh, nhưng anh Q vẫn không gửi văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án đến Tòa án và cũng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Theo biên bản xác minh của Tòa án với Ủy ban nhân dân xã Ph thì hiện nay anh Q vẫn có hộ khẩu và đang sinh sống cùng với mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị L sinh năm 1959 tại Thôn 3, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo và giấy triệu tập của Tòa án cho bà L, bà L cam đoan giao cho anh Q.

Tại đơn xin xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với Anh Nguyễn Văn Q và xin giải quyết về con chung.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021 Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý vụ án về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo đơn khởi kiện của chị Đinh Thị Kim Dung. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thủ tục pháp luật quy định.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

***Về tố tụng:**

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn 3, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật.

- Việc xác định quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc giao nộp tài liệu chứng cứ: Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Phiên họp kiểm tra tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải*: thực hiện đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử*: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát*: Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đã có đơn xin xử vắng mặt. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Kim Dung. Xử lý hôn giữa Chị Đinh Thị Kim D và Anh Nguyễn Văn Q.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giao các cháu Nguyễn Thế Phsinh ngày 15/6/2016 và cháu Nguyễn Thảo Ngsinh ngày 28/12/2017, cho chị D tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Dung.

3. *Về án phí ly hôn*: Chị Đinh Thị Kim D thuộc trường hợp được miễn án phí theo Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung**: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa Chị Đinh Thị Kim D và Anh Nguyễn Văn Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống được với nhau thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm, không hợp nhau về mọi mặt, không tin tưởng nhau về tình cảm. Cuộc sống vợ chồng của chị D và anh Q thường xảy ra xung đột và kéo dài nhiều năm nay, hiện nay hai bên đã ly thân. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D với anh Q là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: chị D và anh Q có 02 con chung là các cháu Nguyễn Thế Phsinh ngày 15/6/2016 và cháu Nguyễn Thảo Ngsinh ngày 28/12/2017, hiện cả hai cháu đang ở với chị Dung. Nguyên vọng của chị D xin tiếp tục nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay chị D khỏe mạnh, có thu nhập, cháu Phong và cháu Nguyễn hiện đang đi học ổn định tại xã Kỳ Phú, huyện N. Mặt khác từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, anh Q cũng không đưa ra bất cứ ý kiến hay hành động gì về việc nuôi con. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định, lợi ích mọi mặt của hai cháu nên giao cả hai cháu cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ theo Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị D không có yêu cầu vì vậy không đặt ra việc giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Do chị D là người dân tộc sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn nên căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Dung.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Kim Dg. Xử lý hôn giữa Chị Đinh Thị Kim D và Anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Thế Ph sinh ngày 15/6/2016 và cháu Nguyễn Thảo Ng sinh ngày 28/12/2017 (Hiện cả hai cháu đang ở với chị D) cho chị Diếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi

hoặc khi có thay đổi khác. anh Qhông phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Đinh Thị Kim D.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Ph;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương Quỳnh